

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VNG GROUP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VNG GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNG GROUP TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VNG GROUP CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400842533

3. Ngày thành lập: 03/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, đường Trần Nguyên Hãn, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0975727694

Fax:

Email: vnggroup.gd@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chuyên phát	5320
2.	Bán mô tô, xe máy	4541
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Cho thuê xe có động cơ	7710
5.	Đại lý du lịch	7911
6.	Điều hành tua du lịch	7912
7.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
8.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
9.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129(Chính)
10.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
11.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
13.	Cơ sở lưu trú khác	5590
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
15.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
16.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo lái xe	8532
17.	Hoạt động cho thuê tài chính	6491
18.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
19.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

Thời gian đăng từ ngày 03/07/2018 đến ngày 02/08/2018

21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
25.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
26.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
27.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	9411
28.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
29.	Thu gom rác thải độc hại	3812
30.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
31.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
32.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
33.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bưu chính	5310
39.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
40.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
41.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
42.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
43.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
44.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
45.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
46.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
49.	Phá dỡ	4311
50.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

57.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
63.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
68.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
69.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
72.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
73.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
74.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
75.	(Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHAM VĂN HẬU	Thôn Hồ Lương, Xã Bảo Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	121852812	
2	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	Thôn Rạng Đông, Xã Dương Hưu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	122031288	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐIỀU

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/07/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *122031288*

Ngày cấp: *23/05/2017*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Rạng Đông, Xã Dương Hưu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Riều, Xã Đình Trì, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang*